TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 16 - 10 – 2018
V/v "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC – TỈNH NINH THUẬN

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Lâm Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Điệu – bà Mai Thị Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Trần Văn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Văn T - sinh năm: 1992.
Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị L - sinh năm: 1992.
Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn dân sự: anh Lê Văn T trình bày:*

Anh và vợ anh (chị Nguyễn Thị L) tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Bắc vào năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 08/12/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung với cha mẹ anh tại Thôn L, xã B, Thuận Bắc. Vợ chồng có một con chung là Lê Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 27/8/2015, khi sinh con anh đăng ký khai sinh cho con và nhập khẩu vào sổ hộ khẩu của gia đình anh do cha anh Lê Văn Đ đứng tên chủ hộ.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn là do không hợp tính tình, khi anh nói, vợ anh không nghe, hay cải lại anh. Từ đó vợ anh không muốn sống chung với anh nữa và tự ý dẫn con đi từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Trong thời gian sống cách ly, anh có liên lạc qua điện thoại, bảo vợ về sống chung nhưng vợ anh không đồng ý và cắt đứt liên lạc với anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung đang ở với chị L nên anh để cho chị L tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, anh ở nhà chạy xe dịch vụ Hoa Lâm, thu nhập bình quân khoảng 5 - 7 triệu đồng một tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn dân sự: chị Nguyễn Thị L đã được thông báo, triệu tập hợp lệ, nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T.
- Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Minh Đ cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng, khi chị L có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét sau.
- Về án phí: anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn dân sự (chị Nguyễn Thị L) hợp lệ, nhiều lần nhưng chị L không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn dân sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L và giải quyết về con

chung khi ly hôn. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét: quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 08/12/2014 là phù hợp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cải vã nhau, đã tự ý sống cách ly nhau hơn hai năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã kéo dài, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: quá trình chung sống, anh T và chị L có 01 con chung là: Lê Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 27/8/2015. Từ khi anh T và chị L sống cách ly, cháu Đăng ở với chị L. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung nên giao chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do không ghi nhận được yêu cầu của chị L về cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

- Giao chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Minh Đ – sinh ngày 27/8/2015.

Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); số tiền án phí anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014864 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc. anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn dân sự vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Bách